

BẢO TỒN NGÔN NGỮ CÁC DÂN TỘC THiểu SỐ VIỆT NAM TRƯỚC NGUY CƠ TIÊU VONG

TẠ VĂN THÔNG

(PGS, TS, Viện Từ điển học và Bách khoa thư VN)

Nguy cơ và lời cảnh báo

Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc và đa ngôn ngữ: số lượng các dân tộc được xác định là 54, còn số lượng các ngôn ngữ chắc chắn lớn hơn (khoảng 90). Ngoài người Kinh, các dân tộc khác có số dân ít (chiếm khoảng 13,8%, theo số liệu tổng điều tra dân số do Tổng cục thống kê công bố năm 1999) nên được gọi chung là các “dân tộc thiểu số” (DTTS). Nhìn chung, mỗi cộng đồng DTTS đều có ngôn ngữ của riêng mình (gọi là “tiếng mẹ đẻ”), đồng thời sử dụng tiếng Việt (tiếng của dân tộc Kinh) làm ngôn ngữ giao tiếp chung (gọi là “tiếng phổ thông”). Nguy cơ tiêu vong đang nói đến chỉ đối với tiếng mẹ đẻ của các DTTS.

Nguy cơ tiêu vong không những đối với ngôn ngữ các DTTS ở Việt Nam, mà có tính chất toàn cầu. Theo tác giả của bài báo “Ngôn ngữ tiêu vong - vấn đề cần được quan tâm” (Nguyễn Văn Lợi, Tạp chí *Ngôn ngữ và đời sống*, số 5/1999), hiện nay trên thế giới có khoảng 6.500 ngôn ngữ, nhưng chỉ có khoảng 3.000 - 4.000 ngôn ngữ đang được truyền lại cho các thế hệ sau, số còn lại đang đứng trước ngưỡng cửa tiêu vong. Cũng theo tác giả, một số nhà khoa học cho rằng hàng năm thế giới có khoảng 12 ngôn ngữ biến mất. Một số khác đưa ra nhận xét: Ở thời hiện đại, cứ một thế kỉ thì 50% số ngôn ngữ đang có sẽ bị mất. Có người lại đưa ra con số đáng buồn hơn: Do tác động của toàn cầu hóa, trong thế kỉ 21, khoảng 90% số ngôn ngữ trên thế giới sẽ chỉ còn trong kí ức của nhân loại.

Lời cảnh báo trên không loại trừ đối với thực tế hiện nay ở nước ta. Đó là: Nguy cơ tiêu vong đang đe dọa phần lớn các ngôn ngữ DTTS ở Việt Nam.

Đó là một lời cảnh báo có căn cứ

Khi đánh giá về sức sinh tồn và phát triển của một ngôn ngữ, trước hết phải thấy được những nhân tố chính có ảnh hưởng đến nó. Đó là các nhân tố vừa khách quan vừa chủ quan: dân số; văn hóa - ngôn ngữ; tâm lí xã hội ... Tình hình thực tế ở Việt Nam như sau:

Về mặt dân số: Số người nói các ngôn ngữ DTTS ở Việt Nam không nhiều (đặc biệt ít so với tiếng Việt). Trong số các DTTS ở Việt Nam, các dân tộc trên một triệu người rất ít (Tày, Thái, Mường, Khơ me); chủ yếu là các dân tộc có số dân dưới 1 triệu người; các dân tộc có dân số dưới 10 ngàn người, thậm chí dưới 1 ngàn người không ít (La Ha, Phù Lá, La Hủ, Pà Thên, Lự, Ngái, Chứt, Lô Lô, Mảng, Cơ Lao, Bô Y, Cống, Si La, Pu Páo, Rơ măm, Brâu, Ô đu). Các DTTS ở Việt Nam lại thường cư trú phân tán xen kẽ với các dân tộc khác, nghĩa là số lượng người nói một ngôn ngữ trong một đơn vị địa lí - hành chính không cao và không tập trung. Số người nói các ngôn ngữ DTTS thường thuộc lứa tuổi già và trung niên, số người nói tuổi thanh niên ít hơn, và số trẻ em ít hơn nữa... Theo lẽ tự nhiên, các ngôn ngữ có số lượng người nói ít, lại phân tán, không có nhiều độ tuổi sử dụng..., thì rất cần bảo động về sự sinh tồn của chúng.

Về nhân tố văn hóa - ngôn ngữ: Hiện nay, quá nửa số DTTS ở Việt Nam đã có chữ viết: Tày, Thái, Hoa, Khơ me, Nùng, Hmông, Dao, Gia rai, Ê đê, Ba na, Chăm, Sán Chay, Xơ đăng, Hrê, Cơ ho, Ra glai, Mnông, Xtiêng, Bru – Vân Kiều, Cơ tu, Lô Lô, Gié – Triêng, Co, Chơ ro, Lào, Pà Thẻn, Lự... Đây là các hệ thống chữ dạng vuông gốc Hán, dạng Sanscrit, dạng Latin và cả dạng chữ hình vẽ. Có dân tộc có tới vài ba bộ chữ (Chăm, Thái, Tày, Hmông...). Theo lẽ thường, chữ viết (một dạng của ngôn ngữ) có vai trò đáng kể trong bảo tồn và phát triển ngôn ngữ (để giáo dục; để biên soạn các sách công cụ như từ điển, ngữ pháp; để hình thành ngôn ngữ văn học trên cơ sở khẩu ngữ...), giúp cho việc ghi chép và truyền bá các tác phẩm văn nghệ truyền thống và sáng tác mới, dùng trong phát thanh và truyền hình... Tuy nhiên, trên thực tế, các chữ viết nói trên có phạm vi sử dụng rất hẹp, hầu như không được phổ biến, nên không có được ích lợi rõ rệt... Theo lẽ tự nhiên, một ngôn ngữ ít được truyền bá và sử dụng trong đời sống cộng đồng, thì sức sống rất hạn chế.

Về nhân tố tâm lí - xã hội: Ở Việt Nam không hoặc rất ít gặp thái độ kì thị dân tộc cũng như sự kì thị ngôn ngữ các DTTS. Đồng bào các DTTS rất trân trọng những nét bản sắc văn hóa do cha ông truyền lại, trong đó có tiếng mẹ đẻ. Tuy nhiên, vì nhiều nguyên nhân khác nhau, chủ yếu vì lí do kinh tế (vì sự mưu sinh) các bậc cha mẹ phải hướng con cái chủ yếu tới việc nắm vững tiếng Việt và các ngoại ngữ (Anh, Pháp, Hoa, Nhật...) và tạm gác lại nỗi lo lắng về sự lãng quên tiếng mẹ đẻ của họ. Đôi khi vì ngại khó, hoặc do sự phiền diện trước các giá trị văn hóa, một số nhà quản lí và chuyên gia cũng lúng túng lảng tránh hoặc trả lời chung chung trước câu hỏi: “Sự truyền bá ngôn ngữ các DTTS để làm gì và nên sử dụng chúng như thế nào?”...

Thực tế là ở Việt Nam hiện nay, có đủ các mức độ về sức sống của các ngôn ngữ các

DTTS. Đó là: “khỏe mạnh”; “suy yếu”, “nguy cấp”; “hầu như chỉ còn trong kí ức”. Ở đây xin nói về các mức độ có thể dẫn đến nguy cơ tiêu vong:

“Suy yếu”: chỉ các ngôn ngữ đang mất dần các chức năng làm phương tiện giao tiếp; phạm vi sử dụng hẹp (chủ yếu chỉ ở gia đình, làng bản); số lượng người nói ít (dưới 1 triệu người)... Đa số các ngôn ngữ DTTS ở Việt Nam thuộc loại này hoặc ở mức thấp hơn.

“Nguy cấp”: chỉ các ngôn ngữ rất ít được sử dụng; chỉ được dùng ở gia đình làng bản, nhưng có xu hướng không dùng ở thế hệ trẻ, số lượng người nói rất ít (từ 100 người đến vài ngàn người), chịu áp lực rất mạnh từ các ngôn ngữ khác... Các ngôn ngữ này có thể tiêu vong trong vài thập kỉ tới. Ở Việt Nam, có một số ngôn ngữ như vậy: Pu Páo; Cơ Lao; La Chí; La Ha; Cống; Si La; Rơ măm...

“Hầu như chỉ còn trong kí ức”: chỉ các ngôn ngữ có số lượng người nói hiếm hoi. Một số ngôn ngữ chỉ có vài ba người già còn nhớ, và chỉ dùng trong một số hoàn cảnh đặc biệt: cúng bái, bói toán, gặp người đồng tộc nơi khác đến... Đa số người các cộng đồng này đã quên tiếng mẹ đẻ, thậm chí coi tiếng dân tộc khác là tiếng mẹ đẻ của mình. Chẳng hạn: người Tu Dí (của dân tộc Bố Y) hiện chỉ nói bằng tiếng Hoa; người Ô đu chủ yếu nói bằng tiếng Thái; người San Chí (thuộc dân tộc Sán Chay) ở Thái Nguyên chỉ biết nói tiếng Việt...

Chính sách của Nhà nước Việt Nam đối với ngôn ngữ các DTTS

Một số luận điểm chính trong chính sách về ngôn ngữ các DTTS của Nhà nước Việt Nam:

- Thừa nhận và đảm bảo về mặt pháp lí quyền có ngôn ngữ (tiếng nói và chữ viết) riêng của tất cả các dân tộc ở Việt Nam.

- Thừa nhận và đảm bảo về mặt pháp lí quyền bình đẳng giữa các ngôn ngữ, quyền bảo tồn và phát triển tiếng nói chữ viết riêng của các DTTS.

-Tạo điều kiện để các DTTS sử dụng tiếng nói và chữ viết của dân tộc mình trong các phạm vi và lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội.

- Khuyến khích các DTTS học tiếng Việt, đưa tiếng Việt thực sự trở thành ngôn ngữ giao tiếp chung giữa các dân tộc, là phương tiện để đoàn kết, củng cố khối thống nhất các dân tộc anh em trong một quốc gia.

Chẳng hạn, trong *Điều 5, Chương 1, Hiến pháp Việt Nam năm 1980* có ghi: “Các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết giữ gìn và phát huy những phong tục, tập quán, truyền thống và văn hóa tốt đẹp của mình”; Trong *Điều 7, Luật Giáo dục* ban hành năm 2005: “ Nhà nước tạo điều kiện để người dân tộc thiểu số được học tiếng nói chữ viết của dân tộc mình nhằm giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, giúp học sinh người dân tộc thiểu số dễ dàng tiếp thu kiến thức khi học tập trong nhà trường và cơ sở giáo dục khác”; Trong *Quyết định 53-CP* (22-2-1980): “Tiếng nói và chữ viết của mỗi dân tộc thiểu số ở Việt Nam vừa là vốn quý của dân tộc đó, vừa là tài sản văn hóa chung của cả nước”...

Các luận điểm trong chính sách nói trên của Nhà nước Việt Nam hoàn toàn phù hợp với tinh thần và những cố gắng của cộng đồng quốc tế. Ngày 21 tháng 2 hàng năm đã được quy ước là Ngày Quốc tế về tiếng mẹ đẻ. Với ngày này, cùng cảnh báo về nguy cơ tiêu vong của các ngôn ngữ trên thế giới, là lời kêu gọi bảo vệ sự đa dạng của các ngôn ngữ, vì điều đó gắn liền với sự đa dạng văn hóa của nhân loại đồng thời mang ý nghĩa nhân bản sâu sắc, là sự tôn trọng và tự trọng đối với phẩm giá và quyền của con người – quyền giữ gìn và phát triển cái riêng biệt, quyền của mỗi người “muốn mình là thế”...

Thực tế và triển vọng

Ở Việt Nam, đã có một số ngôn ngữ DTTS được sử dụng như đối tượng hoặc phương tiện dạy - học (hoặc vừa là đối tượng

vừa là phương tiện) trong nhà trường và trong các cơ sở giáo dục khác : Hmông, Chăm, Khơ me, Gia rai, Hoa, Ê đê, Thái, Xơ đăng...Một số ngôn ngữ đang được sử dụng trên Đài phát thanh tiếng nói Việt Nam, Đài truyền hình Việt Nam, các đài phát thanh và truyền hình địa phương: Khơ me, Ê đê, Gia rai, Ba na, Chăm, Hmông, Thái, Xơ đăng, Tày, Hà Nhì...Nhiều ngôn ngữ DTTS đã được sử dụng để in ấn (bằng chữ của các dân tộc này) các tác phẩm văn nghệ truyền thống, các sáng tác mới; để biên soạn các từ điển đối chiếu song ngữ, các sách miêu tả ngữ pháp, các sách giáo khoa...: Hmông, Thái, Chăm, Ba na, Mnông, Xơ đăng, Cơ ho, Ta ôi, Bru - Vân Kiều, Ra glai, Cơ tu, Hrê...Nhân tố quan trọng nhất đem lại sức sống cho các ngôn ngữ là chúng có vai trò như thế nào trong đời sống xã hội. Vì thế, những hoạt động kể trên đã mang lại điều kiện tồn tại cho các ngôn ngữ DTTS, giúp chúng thoát ra khỏi tình trạng “suy yếu” và trở thành “khỏe mạnh”.

Đó là thực tế và có thể trở thành triển vọng đối với ngôn ngữ các DTTS ở Việt Nam hiện nay.

Lời kết

Trên thực tế, nhiều dân tộc ở Việt Nam đang đứng trước nguy cơ mất ngôn ngữ đồng thời mất đi các hình thái văn hóa được lưu giữ và phát triển bằng tiếng mẹ đẻ của mình. Hi vọng là những cố gắng của Nhà nước, của các tổ chức và cá nhân sẽ giúp ngôn ngữ các DTTS ở Việt Nam đứng lại trước ngưỡng cửa tiêu vong. Bởi vì, đối với một dân tộc, mất đi tiếng mẹ đẻ chẳng khác nào bị mất đi tâm hồn.

Thư mục tham khảo

1. Hoàng Tuệ (1984), *Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam và chính sách ngôn ngữ*, Nxb KHXH, H.
2. Viện Ngôn ngữ học (1993), *Những vấn đề chính sách ngôn ngữ ở Việt Nam*, Nxb KHXH, H.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 20-12-2010)